

Bản án số: 125/2024/DS-ST  
Ngày 26/9/2024  
V/v Tranh chấp về thừa kế  
tài sản.

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LÂM HÀ, TỈNH LÂM ĐỒNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trịnh Đoàn Hạnh Trang

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Ngô Thị Luân

Ông Phạm Ngọc Diên

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Phan Khắc Duy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng.

**- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Thế Hùng – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 289/2023/TLST-DS ngày 29 tháng 11 năm 2023 về việc “*Tranh chấp về thừa kế tài sản*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 137/2024/QĐXXST-DS ngày 16 tháng 8 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 80/2024/QĐST-DS ngày 12 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Cụ **Nguyễn Thị C**, sinh năm 1940; Địa chỉ: **Tổ dân phố Đ, thị trấn Đ, huyện L, tỉnh Lâm Đồng.**

*Người đại diện theo ủy quyền:* Ông **Trương Văn T**, sinh năm: 1994; Địa chỉ: **Số F đường H, tổ dân phố Đ, thị trấn Đ, huyện L, tỉnh Lâm Đồng.** Theo văn bản ủy quyền ngày 23/10/2023.

**- Đồng bị đơn:**

+ Ông **Đỗ Phú T1**, sinh năm: 1969; Địa chỉ: **Tổ dân phố S, thị trấn Đ, huyện L, tỉnh Lâm Đồng.**

Người đại diện theo ủy quyền: Chị **Đỗ Thị Thùy T2**, sinh năm: 1992; Địa chỉ: **Số B Q, tổ dân phố S, thị trấn Đ, huyện L, tỉnh Lâm Đồng.**

+ Ông **Đỗ Phú S**, sinh năm: 1979; Địa chỉ: **Số A tổ A ấp C, xã Đ, huyện H, thành phố Hồ Chí Minh.**

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

+ Bà **Đỗ Thị T3**, sinh năm 1970; Bà **Đỗ Thị Kim C1**, sinh năm 1973; Bà **Đỗ Thị P**, sinh năm 1977; Bà **Đỗ Thị T4**, sinh năm 1981; Ông **Đỗ Phú N**, sinh năm 1983; Bà **Đỗ Thị Thu H**, sinh năm 1988; Ông **Đỗ Phú T5**, sinh năm 1990; Ông **Đỗ Phú C2**, sinh năm 1992;

Đều trú tại: **Tổ dân phố Đ, thị trấn Đ, huyện L, tỉnh Lâm Đồng.**

+ Ông **Đỗ Đức T6 (Đỗ Trọng Đ)**, sinh năm: 1987; Cụ **Phạm Thị V**, sinh năm: 1953;

Đều trú tại: **Số B Tổ dân phố B, thị trấn Đ, huyện L, tỉnh Lâm Đồng.**

+ Bà **Hà Thị Q**, sinh năm: 1974; Địa chỉ: **Tổ dân phố B, thị trấn Đ, huyện L, tỉnh Lâm Đồng.**

+ Vợ chồng ông **Bùi Thế V1**, sinh năm: 1962, bà **Đặng Thị B**, sinh năm: 1957; Địa chỉ: **Số A tổ dân phố G, thị trấn Đ, huyện L, tỉnh Lâm Đồng.**

(Tại phiên tòa, ông **Trương Văn T**, chị **Đỗ Thị Thùy T2**, ông **Đỗ Phú S**, bà **Đỗ Thị T3**, bà **Đỗ Thị T4**, bà **Đỗ Thị Thu H**, ông **Đỗ Phú T5**, ông **Đỗ Đức T6** có mặt. Các đương sự khác vắng mặt)

## **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

1. *Tại đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án nguyên đơn* cụ **Nguyễn Thị C**, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông **Trương Văn T** trình bày: Cụ **Nguyễn Thị C** và cụ **Đỗ Phú N1** xây dựng gia đình với nhau năm 1964, có đăng ký kết hôn tại Quảng Nam nhưng do lâu ngày nên giấy chứng nhận kết hôn đã bị cháy. Trước khi xây dựng gia đình với nhau thì cụ **N1** và cụ **C** chưa kết hôn với ai khác.

Cụ **N1** và cụ **C** sinh được 14 người con thì 04 người con đã chết trước cụ **N1**. Hiện nay chỉ còn 10 người con gồm: Ông **Đỗ Phú T1**, bà **Đỗ Thị T3**, bà **Đỗ**

Thị Kim C1, bà Đỗ Thị P, bà Đỗ Thị T4, ông Đỗ Phú S, ông Đỗ Phú n, bà Đỗ Thị Thu H, ông Đỗ Phú T5, ông Đỗ Phú C2. Ngoài ra cụ N1 có một người con riêng là ông Đỗ Đức T6. Ngoài nhưng người con nêu trên thì cụ C và cụ N1 không còn người con chung, con riêng, con nuôi nào khác. Bố mẹ của cụ N1 là cụ Đỗ Phú T7 và cụ Huỳnh Thị T8 đã chết trước cụ N1 (không nhớ năm chết).

Cụ N1 và cụ C tạo lập được tài sản là: Diện tích đất 159m<sup>2</sup> thuộc thửa 676 và diện tích đất 189,3m<sup>2</sup> thuộc thửa 675, tờ bản đồ 62 tọa lạc tại tổ dân phố Đ, thị trấn Đ, huyện L, tỉnh Lâm Đồng; Diện tích đất 11.068m<sup>2</sup> thuộc thửa 241, 247 và diện tích đất 4.319m<sup>2</sup> thuộc thửa 262 tờ bản đồ 57 xã P, đều tọa lạc tại thôn L, xã P, huyện L, tỉnh Lâm Đồng; Số tiền tiết kiệm 800.000.000đồng. Ngoài ra cụ N1 và cụ C không còn tài sản chung nào khác. Quá trình chung sống giữa cụ C và cụ N1 không có nợ ai, không có nghĩa vụ bồi thường, cấp dưỡng.

Tháng 1/2023 cụ N1 chết không để lại di chúc. Sau khi cụ N1 chết thì gia đình đã thống nhất chia di sản thừa kế là diện tích đất 159m<sup>2</sup> thuộc thửa 676 và diện tích đất 189,3m<sup>2</sup> thuộc thửa 675, tờ bản đồ 62 thị trấn Đ; Số tiền tiết kiệm thì cụ C đã rút toàn bộ để lo ma chay, xây mộ, cúng giỗ và các việc khác cho cụ N1, phần còn lại cụ C giữ chi tiêu cá nhân. Vì vậy, cụ C không có tranh chấp gì đối với thửa đất 675, 676 và số tiền tiết kiệm.

Đối với diện tích đất 11.068m<sup>2</sup> thuộc thửa 241, 247 và diện tích đất 4.319m<sup>2</sup> thuộc thửa 262 tờ bản đồ 57 xã P thì khi cụ N1 còn sống có di nguyện để cho ông Đỗ Phú T5 toàn bộ tài sản này, ông T5 đã quản lý sử dụng, đầu tư trên đất từ năm 2015 đến nay, những người trong hàng thừa kế không có ai quản lý, đầu tư, tôn tạo tài sản này vì đã thống nhất cho ông T5 nhưng chưa hoàn tất thủ tục sang tên cho ông T5, khi cụ N1 mất thì gia đình không thống nhất được trọng việc hoàn tất giấy tờ nên các bên mới phát sinh tranh chấp. Vì vậy, cụ C khởi kiện yêu cầu chia ½ diện tích đất thửa 241, 247, 262 tờ bản đồ 57 xã P, huyện L. Đồng thời, cụ C yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ N1 để lại là ½ diện tích đất thửa 241, 247, 262 tờ bản đồ 57 xã P, huyện L, cụ thể cụ C yêu cầu chia di sản thừa kế thành 11 phần gồm cụ C và 10 người con chung của cụ C và cụ N1. Ngoài ra cụ C không còn yêu cầu gì khác.

2. Bị đơn ông Đỗ Phú T1 và người đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Đỗ Phú T1 là chị Đỗ Thị Thùy T2 trình bày: Về việc kết hôn giữa cụ chạy và cụ niên, hàng thừa kế thứ nhất của cụ N1 và di sản thừa kế ông T1 đồng ý theo ý kiến của nguyên đơn. Ông T1 yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ Đỗ Phú N1 để

lại là  $\frac{1}{2}$  diện tích đất thửa 241, 247, 262 tờ bản đồ 57 xã P, huyện L, cụ thể ông T1 yêu cầu chia di sản thừa kế thành 12 phần gồm cụ C và các con cụ N1 (10 người con chung và 01 người con riêng). Ông T1 yêu cầu nhận giá trị di sản thừa kế theo kết quả định giá và yêu cầu nhận bằng tiền, không nhận bằng hiện vật.

Đối với số tiền tiết kiệm 800.000.000đồng, sau khi cụ N1 chết thì cụ C rút tiền mặt toàn bộ số tiền này nên ông T1 yêu cầu chia thừa kế đối với số tiền tiết kiệm và ông T1 yêu cầu chia cho ông số tiền là 33.333.000đồng.

Đối với diện tích đất 159m<sup>2</sup> thuộc thửa 676, diện tích đất 189,3m<sup>2</sup> thuộc thửa 675, tờ bản đồ 62 tọa lạc tại tổ dân phố Đ, thị trấn Đ, huyện L, tỉnh Lâm Đồng thì ông T1 không khởi kiện yêu cầu chia tài sản này. Ngoài ra ông T1 không còn yêu cầu gì khác.

3. Bị đơn ông Đỗ Phú S trình bày: Ông S xác định di sản thừa kế cụ Đỗ Phú N1 để lại gồm diện tích đất 159m<sup>2</sup> thuộc thửa 676 và diện tích đất 189,3m<sup>2</sup> thuộc thửa 675, tờ bản đồ 62 tọa lạc tại tổ dân phố Đ, thị trấn Đ, huyện L, tỉnh Lâm Đồng; Diện tích đất 11.068m<sup>2</sup> thuộc thửa 241, 247 tờ bản đồ 57 xã P và diện tích đất 4.319m<sup>2</sup> thuộc thửa 262 tờ bản đồ 57 xã P, đều tọa lạc tại thôn L, xã P, huyện L, tỉnh Lâm Đồng; Số tiền tiết kiệm 800.000.000đồng. Ông S yêu cầu Tòa án Lâm Hà chứng minh quyền tài sản của cụ C và yêu cầu chia toàn bộ các tài sản trên cho những người thừa kế theo pháp luật.

4. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đỗ Thị T3, bà Đỗ Thị Kim C1, bà Đỗ Thị P, bà Đỗ Thị T4, ông Đỗ Phú N, bà Đỗ Thị Thu H, ông Đỗ Phú C2 trình bày: Cụ C và cụ N1 là bố mẹ của các ông bà, năm 2023 cụ N1 chết không để lại di chúc, hàng thừa kế thứ nhất theo quy định của pháp luật của cụ N1 gồm: Cụ Nguyễn Thị C, ông Đỗ Phú T1, bà Đỗ Thị T3, bà Đỗ Thị Kim C1, bà Đỗ Thị P, ông Đỗ Phú S, bà Đỗ Thị T4, ông Đỗ Phú N, bà Đỗ Thị Thu H, ông Đỗ Phú T5, ông Đỗ Phú C2 và ông Đỗ Đức T6. Di sản thừa kế các ông bà đồng ý theo ý kiến của cụ C là diện tích đất 11.068m<sup>2</sup> thuộc thửa 241, 247 và diện tích đất 4.319m<sup>2</sup> thuộc thửa 262 tờ bản đồ 57 xã P, đều tọa lạc tại thôn L, xã P, huyện L, tỉnh Lâm Đồng. Các ông bà yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ N1 để lại là  $\frac{1}{2}$  diện tích đất thửa 241, 247, 262 tờ bản đồ 57 xã P, huyện L, cụ thể các ông bà yêu cầu chia di sản thừa kế thành 12 phần gồm cụ C và các con cụ N1. Các ông bà yêu cầu chia cho các ông bà mỗi người một phần tạm tính là 170.000.000đồng và yêu cầu nhận bằng tiền, không yêu cầu nhận bằng hiện vật.

Ngoài ra các ông bà không còn yêu cầu gì khác.

5. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Đỗ Phú T5 trình bày:* Ông T5 là con của cụ N1, cụ C, năm 2023 cụ N1 chết không để lại di chúc, hàng thừa kế thứ nhất theo quy định của pháp luật của cụ N1, di sản thừa kế ông T5 đồng ý theo ý kiến của cụ C. Tuy nhiên, tài sản là thửa 241, 247, 262 tờ bản đồ 57 xã P lâu nay các anh chị em trong nhà không ai quản lý, sử dụng mà do ông T5 quản lý, sử dụng và đầu tư chăm sóc toàn bộ.

Diện tích đất ông T5 đang sử dụng là 14.583 m<sup>2</sup>, bao gồm 6.095 m<sup>2</sup> đất thuộc một phần thửa số 241, 4.471 m<sup>2</sup> đất thuộc một phần thửa số 247, 4.017 m<sup>2</sup> đất thuộc một phần thửa số 262 tờ bản đồ số 57 xã P. Ông T5 xác định di sản thừa kế của cụ Đỗ Phú N1 để lại là diện tích đất 7291,5 m<sup>2</sup> thuộc một phần các thửa đất số 241, 247, 262, tờ bản đồ số 57 xã P và các tài sản gắn liền với đất. Theo kết quả định giá thì có giá trị là 1.946.732.125 đồng. Ông T5 yêu cầu được nhận phần công sức quản lý, tôn tạo, giữ gìn, chăm sóc di sản thừa kế là 10%, tương đương với số tiền 194.673.213 đồng, công đào ao 94.640.000 đồng, phần còn lại ông T5 yêu cầu chia đều cho 12 người gồm mẹ ông và 11 người con của cụ N1, trong đó phần của ông T5 yêu cầu chia là 146.004.909 đồng, tổng cộng ông T5 yêu cầu chia số tiền 435.318.122 đồng. Trước đây mọi người đồng ý giao đất cho ông T5 nhưng nay gia đình thỏa thuận lại sẽ giao cho cụ C nên ông T5 đồng ý và ông yêu cầu được nhận bằng tiền. Ngoài ra, ông T5 không yêu cầu chia tài sản nào khác.

6. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Đỗ Đức T6 (Đỗ Trọng Đ) trình bày:* Ông T6 là con riêng của cụ N1 nên ông T6 khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ N1 để lại là ½ diện tích đất thửa 241, 247, 262 tờ bản đồ 57 xã P, huyện L, cụ thể ông yêu cầu chia di sản thừa kế thành 12 phần gồm cụ C và 11 người con của cụ niên. Ông yêu cầu nhận giá trị di sản thừa kế theo kết quả định giá là 170.000.000 đồng. Ngoài ra, ông T6 yêu cầu chia đôi với số tiền tiết kiệm 800.000.000 đồng, ông yêu cầu chia đôi cụ C 400.000.000 đồng, cụ N1 400.000.000 đồng. Phần của cụ N1 thì ông yêu cầu chia cho ông số tiền là 33.333.000 đồng. Ngoài ra, ông T6 không yêu cầu chia tài sản nào khác.

7. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là cụ Phạm Thị V trình bày:* Cụ Phạm Thị V và cụ Đỗ Phú N1 chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1986. Cụ V và cụ N1 có một con chung là Đỗ Đức T6, sinh năm: 1987. Sau khi sinh con thì cụ N1 vẫn thường xuyên quan tâm, chăm sóc hai mẹ con (tức cụ N1 có

hai vợ). Mặc dù, trong giấy khai sinh thông tin cha đẻ của ông T6 không phải là cụ N1 nhưng tất cả các thành viên trong gia đình cụ N1 đều thừa nhận quan hệ huyết thống giữa ông T6 và cụ N1. Cụ V và cụ N1 là hôn nhân thực tế, mặc dù không có đăng ký kết hôn nhưng cụ V và cụ N1 đã chung sống như vợ chồng từ năm 1986 cho đến khi cụ N1 qua đời, cụ V cũng là vợ của cụ N1 nên cụ V yêu cầu đưa cụ V tham gia vụ án với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Đối với tài sản của cụ N1 để lại là ½ diện tích đất thửa 241, 247, 262 thì cụ V yêu cầu chia di sản thừa kế thành 13 phần cho hàng thừa kế thứ nhất của cụ N1 gồm cụ V, cụ C và 11 người con của cụ N1. Trong đó cụ V yêu cầu chia cho cụ V 01 phần theo kết quả định giá tạm tính là 156.923.000đồng và yêu cầu chia số tiền tiết kiệm là 30.769.000 đồng. Ngoài ra, cụ V không yêu cầu chia tài sản nào khác.

8. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Hà Thị Q trình bày: Ngày 09/10/2017 bà Q nhận chuyển nhượng diện tích đất 10.075m<sup>2</sup> thuộc thửa 246, tờ bản đồ 57 tại thôn L, xã P, huyện L của ông Trương Văn K, trên đất đã có cà phê vối trồng năm 2002. Các bên đã giao nhận đất trên thực địa, giao tiền và làm thủ tục sang tên theo quy định pháp luật. Ranh giới đất giữa thửa 246 của bà Q và đất của cụ Đỗ Phú N1 là một lối mòn rộng khoảng 01m (mỗi nhà bỏ ra 0.5m) để làm lối đi canh tác đất, ranh giới là lối mòn nên giữa bà Q và hàng thừa kế của cụ N1 không có tranh chấp, bà Q không có yêu cầu gì đối với diện tích đất 1.195m<sup>2</sup> thuộc một phần thửa 246 theo họa đồ đo đạc tại họa đồ đo đạc theo hiện trạng sử dụng đất ngày 03/5/2024 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện L mà ông T5 đang sử dụng, bà Q không có yêu cầu gì trong vụ án này. Đồng thời, bà Q yêu cầu giải quyết vụ án vắng mặt bà Q.

9. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là vợ chồng ông Bùi Thế V1, bà Đặng Thị B trình bày: Vào năm 2015 ông V1, bà B có nhận chuyển nhượng diện tích đất 20.179m<sup>2</sup> thửa 318 (trước đây là thửa 269) tờ bản đồ 57 xã P, huyện L của ông D (nhà ở Đ). Sau đó ông V1, bà B đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và sử dụng đất ổn định đến nay, không có tranh chấp về ranh giới với ai. Giáp ranh đất của ông bà là thửa 262 của cụ Đỗ Phú N1, hiện nay ông T5 con cụ N1 canh tác, phần đất của ông V1, bà B có giáp căn nhà chòi của cụ N1, ranh giới rõ ràng (là mép hàng cà phê, mép hồ chứa nước, mép nhà) không tranh chấp. Do đó ông V1, bà B không có tranh chấp. Theo họa đồ đo đạc tại họa đồ đo đạc theo hiện trạng sử dụng đất ngày 03/5/2024 của Chi nhánh

Văn phòng đăng ký đất đai huyện L thì ông V1, bà B không có ý kiến và không có yêu cầu gì. Đồng thời ông bà yêu cầu giải quyết vắng mặt ông bà.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành mở phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng các bên không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án nên Tòa án triển khai đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên tòa, các bên vẫn giữ nguyên ý kiến của mình như trên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Hà tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, cụ thể: Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự trong quá trình thụ lý và giải quyết vụ án. Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng trình tự phiên tòa sơ thẩm theo quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự; các đương sự có mặt tại phiên tòa đã chấp hành đúng nội quy phiên tòa theo quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự. Đồng thời, đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của đồng nguyên đơn cụ Nguyễn Thị C về việc tranh chấp thừa kế tài sản với ông Đỗ Phú T1, Đỗ Phú S và Đỗ Đức T6.

Xác định di sản thừa kế của cụ Đỗ Phú N1 là 1/2 diện tích đất 14.583m<sup>2</sup> thuộc thửa 241, 247 và thửa 262 tờ bản đồ 57 xã P. Tổng giá trị di sản thừa kế là 1.946.730.000đồng. Sau khi trừ đi 10% công sức đóng góp tôn tạo, giữ gìn di sản thừa kế của ông Đỗ Phú T5 là 194.673.000đồng. Do vậy di sản thừa kế còn lại là 1.752.057.000 đồng và 1/2 số tiền 800.000.000đồng tiền gửi tiết kiệm.

Xác định những người hưởng di sản thừa kế của cụ N1 thuộc hàng thừa kế thứ nhất gồm: cụ Nguyễn Thị C, ông Đỗ Phú T1, bà Đỗ Thị T3, bà Đỗ Thị Kim C3, bà Đỗ Thị P, ông Đỗ Phú S, bà Đỗ Thị T4, ông Đỗ Phú N, bà Đỗ Thị Thu H, ông Đỗ Phú T5, ông Đỗ Phú C2 và ông Đỗ Đức T6.

Giao cho cụ Nguyễn Thị C diện tích 14.583m<sup>2</sup> gồm diện tích 6.095m<sup>2</sup> thuộc thửa 241, diện tích 4,471m<sup>2</sup> thuộc thửa đất 247, diện tích 4.017m<sup>2</sup> thửa 262 tờ bản đồ 57 xã P, trên đất có 01 giếng khoan, 01 ao nước, 1700 cây cà phê, 40 trụ tiêu, 12 cây Sầu Riêng. Cụ C có trách nhiệm thanh toán cho ông Đỗ Phú T1, ông Đỗ Phú S mỗi người 146.005.000đồng.

Cụ C có trách nhiệm thanh toán cho ông Đỗ Đức T6 số tiền 179.337.750đồng (146.004.750 đồng giá trị đất + 33.333.000đồng tiền tiết kiệm), làm tròn thành 179.338.000đồng

Cụ C, ông T1, ông S, ông T6 phải chịu chi phí tố tụng theo mức tương

ứng với giá trị tài sản được chia.

Ông **T1**, ông **S**, ông **T6** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Qua các chứng cứ, tài liệu được thể hiện trong hồ sơ và kết quả thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận của đương sự tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, bà **Đỗ Thị Kim C1**, bà **Đỗ Thị P**, ông **Đỗ Phú N**, ông **Đỗ Phú C2**, cụ **Phạm Thị V**, bà **Hà Thị Q**, ông **Bùi Thế V1**, bà **Đặng Thị B** vắng mặt nhưng có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Vì vậy, căn cứ khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự, Tòa án vẫn xét xử vắng mặt các đương sự nêu trên là phù hợp.

[2] Về quan hệ tranh chấp: Cụ **Nguyễn Thị C** cho rằng cụ **C** là vợ cụ **Đỗ Phú N1**, năm 2023 cụ **N1** chết không để lại di chúc. Di sản cụ **N1** để lại là  $\frac{1}{2}$  diện tích đất 11.068m<sup>2</sup> thuộc thửa 241, 247 và  $\frac{1}{2}$  diện tích đất 4.319m<sup>2</sup> thuộc thửa 262 tờ bản đồ 57 xã **P**, huyện **L**, tỉnh **Lâm Đồng**. Do gia đình không thống nhất được với nhau về việc chia thừa kế nên cụ **C** khởi kiện yêu cầu chia thừa kế tài sản. Vì vậy, căn cứ khoản 5 Điều 26 Bộ luật tố tụng Dân sự; Điều 609, Điều 613 Bộ luật Dân sự xác định đây là vụ án dân sự về việc “*Tranh chấp về thừa kế tài sản*”. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự.

[3]. Về thời hiệu khởi kiện: Theo bản sao trích lục khai tử số 13/TLKT-BS ngày 16/02/2023 tại Ủy ban nhân dân thị trấn **Đ**, huyện **L**, tỉnh **Lâm Đồng** thì cụ **N1** chết vào ngày 11/01/2023, cụ **C** khởi kiện vụ án ngày 23/10/2023, do đó thời hiệu khởi kiện về thừa kế vẫn còn theo quy định tại Điều 623 của Bộ luật Dân sự.

[4] Về quan hệ huyết thống: Cụ **C** xác định cụ **C** và cụ **N1** xây dựng gia đình với nhau năm 1964, có đăng ký kết hôn tại Quảng Nam nhưng do lâu ngày nên giấy chứng nhận kết hôn đã bị cháy. Mặc dù cụ **C** không xuất trình được giấy chứng nhận kết hôn nhưng qua xác minh thực tế tại địa phương thì được biết cụ **C** và cụ **N1** chung sống với nhau từ trước năm 1986 cho đến khi cụ **N1** qua đời, cụ **C** có nộp các tài liệu chứng minh cụ **C** và cụ **N1** chung sống có 10 người con lớn nhất sinh năm 1969, nhỏ nhất sinh năm 1992, quá trình chung



sống cụ **C** và cụ **N1** có tạo lập được tài sản chung, có tham gia các giao dịch khác theo quy định nên căn cứ Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội về việc thi hành luật Hôn nhân và gia đình xác định quan hệ hôn nhân của cụ **C** và cụ **N1** là hợp pháp.

Cụ **C** và cụ **N1** có 14 người con chung nhưng 04 người con đã chết trước cụ **N1**, hiện nay còn 10 người gồm: Ông **T1**, bà **T3**, bà **C1**, bà **P**, bà **T4**, ông **S**, ông **N**, bà **H**, ông **T5**, ông **C2**.

Ngoài ra, cụ **C** xác định cụ **N1** có 01 người con riêng là **Đỗ Đức T6**. Các con của cụ **N1**, cụ **C4** cho rằng ông **T6** không phải là con của cụ **N1** nhưng không ai yêu cầu giám định ADN và không nộp chứng cứ chứng minh. Trong khi đó tại biên bản đối chất (BL 192-196) cụ **C** và các con cụ **C** thừa nhận ông **T6** là con riêng của cụ **N1**. Ngoài ra, tại Văn bản phân chia tài sản thừa kế ngày 17/5/2023 (BL 36-38) đối với tài sản là thửa đất 675, 676 tờ bản đồ 62 **thị trấn Đ** thì ông **T6** có ký vào văn bản này, hiện nay tài sản này đã hoàn tất thủ tục và các bên không tranh chấp, có nghĩa các bên đã thừa nhận ông **T6** là người thuộc hàng thừa kế thứ nhất theo pháp luật của cụ **N1**. Hơn nữa, trong các đơn yêu cầu độc lập thì các bên yêu cầu chia thành 12 phần là có cả phần ông **T6**. Như vậy các bên đương sự đã mặc nhiên thừa nhận ông **T6** là con của cụ **N1**. Nay các bên đương sự lại khai ông **T6** không phải con cụ **N1**, không phải hàng thừa kế thứ nhất theo pháp luật nhưng không đưa ra được chứng cứ gì mới để chứng minh. Ngoài ra các bên đương sự thừa nhận bố mẹ của cụ **N1** là cụ **Đỗ Phú T7** và cụ **Huỳnh Thị T8** đã chết trước cụ **N1**.

Quá trình giải quyết vụ án cụ **Phạm Thị V** có đơn trình bày cụ **V** và cụ **N1** chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1986, có một con chung là **Đỗ Đức T6** là hôn nhân thực tế nên cụ **V** là hàng thừa kế thứ nhất theo pháp luật. Tuy nhiên, cụ **V** không nộp chứng cứ, chứng minh. Qua xác minh thực tế tại địa phương thì không có cơ sở theo lời trình bày của cụ **V**.

Vì vậy, căn cứ Điều 651 Bộ luật Dân sự xác định hàng thừa kế thứ nhất của cụ **N1** là 12 người gồm: Cụ **Nguyễn Thị C** là vợ hợp pháp của cụ **N1** và 11 người con (10 người con chung, 01 người con riêng) gồm ông **Đỗ Phú T1**, bà **Đỗ Thị T3**, bà **Đỗ Thị Kim C1**, bà **Đỗ Thị P**, ông **Đỗ Phú S**, bà **Đỗ Thị T4**, ông **Đỗ Phú N**, bà **Đỗ Thị Thu H**, ông **Đỗ Phú T5**, ông **Đỗ Phú C2** và ông **Đỗ Đức T6**.

[5]. Tất cả 12 người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của cụ **N1** đều xác định

khi cụ **N1** chết không để lại di chúc nên căn cứ Điều 649, Điều 650 Bộ luật Dân sự cần xem xét chia di sản thừa kế theo pháp luật là phù hợp.

[6]. Về di sản thừa kế: Cụ **C** khởi kiện chia di sản thừa kế là diện tích đất 11.068m<sup>2</sup> thuộc thửa 241, 247 tờ bản đồ 57 xã **P** và diện tích đất 4.319m<sup>2</sup> thuộc thửa 262 tờ bản đồ 57 xã **P**, đều tọa lạc tại thôn **L**, xã **P**, huyện **L**, tỉnh Lâm Đồng thì thấy rằng:

Theo kết quả xem xét thẩm định tại chỗ, kết quả định giá theo chứng thư thẩm định giá số 24060314/CT-ĐNI ngày 03/6/2024 của Công ty cổ phần **T9** và kết quả đo đạc thửa đất theo hiện trạng sử dụng của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện **L** cung cấp ngày 03/5/2024 thì hiện nay ông **Đỗ Phú T5** đang quản lý sử dụng diện tích đất 14.583m<sup>2</sup> gồm diện tích 6.095m<sup>2</sup> thuộc thửa 241, diện tích 4.471m<sup>2</sup> thuộc thửa đất 247, diện tích 4.017m<sup>2</sup> thửa 262 có giá trị là 3.208.260.000đồng; 01 căn nhà ở có giá trị 63.750.000đồng, 01 bể nước có giá trị là 25.645.750đồng, 01 giếng khoan có giá trị 45.000.000đồng, 01 ao nước có giá trị 94.640.000đồng, 1700 cây cà phê có giá trị 595.000.000đồng, 40 trụ tiêu có giá trị là 8.000.000đồng, 12 cây Sầu Riêng có giá trị là 37.200.000đồng. Tổng cộng là 4.077.495.750đồng làm tròn thành 4.077.500.000đồng. Ngoài ra ông **T5** còn sử dụng 1.195m<sup>2</sup> thuộc một phần thửa 246 đã được cấp quyền sử dụng đất cho bà **Hà Thị Q** và 250m<sup>2</sup> thuộc một phần thửa 269 đã cấp quyền sử dụng đất cho ông **Bùi Thế V1**, bà **Đặng Thị B**; 51m<sup>2</sup> thuộc một phần thửa 302 chưa xác định được chủ sở hữu. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa các bên đương sự đồng ý với kết quả đo đạc, định giá nêu trên.

Xét thấy, đối với 01 căn nhà cấp 4 và bể nước nằm trên thửa đất số 269 của ông **V1**, bà **B** thì các bên đương sự thống nhất không yêu cầu giải quyết. Qua làm việc với ông **V1**, bà **B** thì ông **V1** bà **B** cũng xác định lâu nay ranh giới hai bên sử dụng ổn định, không tranh chấp nên ông **V1** bà **B** không có yêu cầu gì. Vì vậy, Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét giải quyết.

Đối với ao nước thì những người trong hàng thừa kế thừa nhận ông **T5** lâu nay quản lý sử dụng đất, ông **T5** bỏ công ra đào nên thống nhất không yêu cầu giải quyết. Vì vậy, cần xác định công đào ao là của ông **T5** bỏ ra theo kết quả định giá là 94.640.000đồng, ai nhận đất thì có trách nhiệm thành toán lại công đào ao cho ông **T5** là phù hợp.

Đối với diện tích 6.095m<sup>2</sup> thuộc thửa 241, diện tích 4.471m<sup>2</sup> thuộc thửa

đất 247, diện tích 4.017m<sup>2</sup> thửa 262, 01 giếng khoan, 1700 cây cà phê, 40 trụ tiêu, 12 cây Sầu Riêng có tổng giá trị là 3.893.460.000đồng. Mặc dù một mình cụ **N1** đứng tên nhận chuyển nhượng nhưng tài sản trên được tạo lập trong thời kỳ hôn nhân, cụ **N1** không để lại văn bản giấy tờ nào khác chứng minh tài sản này là tài sản riêng của cụ **N1**. Trong khi đó nhưng người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của cụ **N1** đều xác định đây là tài sản chung của cụ **N1** và cụ **C** và đồng ý chia đôi. Vì vậy, theo quy định tại Điều 33 Luật Hôn nhân và Gia đình phần đất của cụ **C** là 7.291,5m<sup>2</sup> (14.583m<sup>2</sup> : 2) còn phần của cụ **N1** là 7.291,5m<sup>2</sup>. Vì vậy, di sản thừa kế của cụ **N1** là 7.291,5m<sup>2</sup> thuộc một phần thửa 241, 247, 262 tờ bản đồ 57 xã **P**, tương đương với số tiền 1.946.730.000đồng (3.893.460.000đồng : 2).

[7]. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa ông **T5** yêu cầu chia công sức quản lý, đầu tư di sản là 10% giá trị di sản của cụ **N1** để lại với số tiền 194.673.000đồng. Tại phiên tòa, chị **T2**, ông **S**, ông **T6** không đồng ý, những người còn lại đồng ý theo yêu cầu của ông **T5**. Xét thấy, các đồng thừa kế đều khẳng định kể từ năm 2017 khi cụ **C**, cụ **N1** nhận chuyển nhượng đất cho đến nay thì ông **T5** là người trực tiếp quản lý, sử dụng, đầu tư, chăm sóc cây trồng trên diện tích đất trên để đất có giá trị như ngày hôm nay, 11 người trong hàng thừa kế không có ai quản lý sử dụng, đầu tư vào đất và các bên cũng thừa nhận cụ **N1** có di nguyện cho ông **T5** các thửa đất trên nhưng chưa hoàn tất thủ tục tặng cho thì cụ **N1** mất. Vì vậy, căn cứ Điều 658 Bộ Luật Dân sự, để đảm bảo quyền lợi của ông **T5**, trước khi chia di sản thừa kế cho các đồng thừa kế cần tính công sức của ông **T5** trong việc quản lý, tôn tạo làm tăng giá trị di sản là 10% giá trị di sản, tương đương với số tiền 194.673.000đồng (1.946.730.000đồng x 10%) là phù hợp.

[8]. Giá trị di sản còn lại có giá trị là 1.752.057.000đồng (1.946.730.000đồng - 194.673.000đồng). Quá trình giải quyết vụ án các bên đương sự khẳng định không có nhu cầu sử dụng đất nên không yêu cầu nhận bằng hiện vật mà thống nhất nhận bằng tiền và thống nhất giao đất cho cụ **C** quản lý, sử dụng. Xét thấy, phần đất mà các bên đáng ra được nhận có diện tích nhỏ, theo biên bản xác minh tại Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện **L**, tỉnh Lâm Đồng thì diện tích đất các bên được nhận không đủ điều kiện để tách thửa theo Quyết định số 51/2023/QĐ-UBND ngày 18-8-2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh **L**. Vì vậy, cần giao toàn bộ diện tích đất trên cho cụ **C** quản lý, sử dụng

theo yêu cầu của các bên, cụ **C** có trách nhiệm thanh toán lại cho các đồng thừa kế giá trị di sản mà họ được nhận. Căn cứ Điều 660 Bộ Luật Dân sự chia đều phần di sản trên cho 12 người thuộc hàng thừa kế thứ nhất theo pháp luật nên mỗi người được nhận 146.004.750đồng.

[9]. Đối với yêu cầu khởi kiện của ông **Đỗ Phú T1** yêu cầu chia số tiền tiết kiệm thì thấy rằng: Quá trình giải quyết vụ án ông **Đỗ Phú T1** có khởi kiện yêu cầu chia số tiền tiết kiệm 800.000.000đồng, ông yêu cầu chia phần cho ông là 33.333.000đồng. Nhưng đến ngày 19/8/2024 ông **Đỗ Phú T1** có đơn xin rút yêu cầu khởi kiện yêu cầu chia số tiền tiết kiệm. Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của ông **T1** giữ nguyên việc rút đơn nên căn cứ điểm c khoản 1 Điều 217 Bộ luật tố tụng Dân sự đình chỉ yêu cầu khởi kiện này của ông **T1**.

[10]. Đối với yêu cầu của ông **Đỗ Đức T6** về việc yêu cầu chia số tiền tiết kiệm là 33.333.000đồng thì thấy rằng: Cụ **C** và các con của cụ **C** không khởi kiện chia số tiền số tiền tiết kiệm 800.000.000đồng. Tuy nhiên, tại phiên tòa ông **T6** giữ nguyên yêu cầu được nhận số tiền trên. Qua xác minh tại **Quỹ Tín dụng nhân dân B1**, phòng giao dịch **thị trấn Đ** thì được biết ngày 13/01/2022 cụ **N1** gửi số tiền 200.000.000đồng, ngày 14/3/2022 cụ **N1** gửi số tiền 200.000.000đồng; ngày 21/6/2022 cụ **N1** gửi số tiền 400.000.000đồng. Tổng cộng cụ **N1** gửi 800.000.000đồng, không có thông tin gì liên quan đến các con cụ **C**, cụ **N1** cùng gửi số tiền tiết kiệm trên. Đồng thời, qua xác minh thì sau khi cụ **N1** chết, cụ **C** đã rút toàn bộ số tiền tiết kiệm, hiện nay cụ **C** và cụ **N1** không còn khoản tiền gửi nào tại **Quỹ Tín dụng nhân dân B**, phòng giao dịch **thị trấn Đ**. Tại phiên tòa, phía nguyên đơn đồng ý chia cho ông **T6** số tiền 33.333.000đồng nên cần ghi nhận.

Đối với những người khác trong hàng thừa kế thứ nhất theo pháp luật không có yêu cầu chia đối với số tiền tiết kiệm nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét giải quyết.

[11]. Đối với bị đơn ông **Đỗ Phú S** cho rằng cụ **C** không phải là vợ hợp pháp của cụ **N1** và có nộp văn bản nêu quan điểm về việc yêu cầu Tòa án Lâm Hà chứng minh quyền tài sản của cụ **C**, yêu cầu chia toàn bộ tài sản cho những người thừa kế theo pháp luật, trong đó có diện tích đất 159m<sup>2</sup> thuộc thửa 676 và diện tích đất 189,3m<sup>2</sup> thuộc thửa 675, tờ bản đồ 62 **thị trấn Đ** và số tiền tiết kiệm 800.000.000đồng. Nhưng ông **S** không viết đơn khởi kiện chia thừa kế tài sản theo đúng quy định và cũng không nộp tài liệu, chứng cứ kèm theo đơn nên Tòa

án đã thông báo sửa đổi, bổ sung đơn khởi kiện số 08/TB-TA ngày 22/4/2024 (BL70) gửi cho ông S, ông S đã ký nhận thông báo (BL71) nhưng ông S không viết lại đơn khởi kiện, không nộp các tài liệu chứng cứ cho Tòa án nên Hội đồng xét xử không xem xét yêu cầu khởi kiện của ông S trong vụ án này. Nếu sau này các bên không tự giải quyết được với nhau, ông S có quyền khởi kiện bằng vụ án Dân sự khác khi có chứng cứ chứng minh.

[12] Đối với người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là cụ Phạm Thị V có đơn trình bày cụ V và cụ Đỗ Phú N1 là hôn nhân thực tế nên cụ V là hàng thừa kế thứ nhất theo pháp luật và có yêu cầu chia di sản thừa kế nhưng đơn khởi kiện chưa đúng mẫu đơn quy định, cụ V cũng không nộp tài liệu, chứng cứ kèm theo đơn nên Tòa án đã ban hành thông báo số 12/TB-TA ngày 26/7/2024 về việc yêu cầu sửa đổi, bổ sung đơn khởi kiện nhưng cụ V không viết đơn khởi kiện và không nộp các tài liệu, chứng cứ theo yêu cầu của Tòa án nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét yêu cầu của cụ V.

[13] Đối với diện tích đất 1.195m<sup>2</sup> thuộc một phần thửa 246 đã được cấp quyền sử dụng đất cho bà Hà Thị Q theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK 731367 do Ủy ban nhân dân huyện L cấp ngày 17/9/2007; Diện tích đất 250m<sup>2</sup> thuộc một phần thửa 269 đã cấp quyền sử dụng đất cho ông Bùi Thế V1, bà Đặng Thị B theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CD 194616 do Ủy ban nhân dân huyện L cấp ngày 03/3/2017 trên đất có một căn nhà, 01 bể nước; Diện tích đất 51m<sup>2</sup> thuộc một phần thửa 302. Xét thấy, hiện nay ông T5 đang sử dụng các phần đất này, các đồng thừa kế không ai yêu cầu giải quyết đối với các phần đất trên. Bà Q, vợ chồng ông V1, bà B cũng xác định ranh giới các bên sử dụng ổn định, hai bên không tranh chấp nên không có yêu cầu gì trong vụ án này nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét giải quyết đối với các phần đất trên trong vụ án này.

[14]. Từ những nhận định phân tích nêu trên cần giao cho cụ Nguyễn Thị C diện tích 14.583m<sup>2</sup> gồm diện tích 6.095m<sup>2</sup> thuộc thửa 241, diện tích 4.471m<sup>2</sup> thuộc thửa đất 247, diện tích 4.017m<sup>2</sup> thửa 262 tờ bản đồ 57 xã P, đều tọa lạc tại thôn L, xã P, huyện L, tỉnh Lâm Đồng. Trên đất có 01 giếng khoan, 01 ao nước, 1700 cây cà phê, 40 trụ tiêu, 12 cây Sầu Riêng.

Cụ C có trách nhiệm thanh toán cho ông Đỗ Phú T1, bà Đỗ Thị T3, bà Đỗ Thị Kim C1, bà Đỗ Thị P, ông Đỗ Phú S, bà Đỗ Thị T4, ông Đỗ Phú N, bà Đỗ Thị Thu H, ông Đỗ Phú C2 mỗi người là 146.004.750đồng, làm tròn thành

146.005.000đồng. Đồng thời, thanh toán cho ông **Đỗ Phú T5** số tiền 435.317.750đồng (công sức quản lý là 194.673.000đồng + 146.004.750đồng được chia + công đào ao 94.640.000đồng), làm tròn thành 435.318.000đồng; Thanh toán cho ông **Đỗ Đức T6** số tiền 179.337.750đồng (146.004.750 đồng giá trị đất + 33.333.000đồng tiền tiết kiệm), làm tròn thành 179.338.000đồng. Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án bà **T3**, bà **C1**, bà **P**, bà **T4**, ông **N**, bà **H**, ông **C2**, ông **T5** xác định đối với phần di sản các ông bà được chia thì các ông bà không có nhu cầu nhận nên các ông bà tự nguyện nhường lại phần của mình cho cụ **C** được hưởng, không yêu cầu cụ **C** phải thanh toán phần giá trị di sản các ông bà được chia.

Xét thấy, việc định đoạt phần di sản của bà **T3**, bà **C1**, bà **P**, bà **T4**, ông **N**, bà **H**, ông **C2**, ông **T5** được hưởng là hoàn toàn tự nguyện, không trái đạo đức xã hội và không trái pháp luật nên cần ghi nhận sự tự nguyện này của các đương sự.

Như vậy, chỉ buộc cụ **C** thanh toán cho ông **Đỗ Phú T1** và ông **Đỗ Phú S** mỗi người là 146.005.000đồng và thanh toán cho ông **Đỗ Đức T6** số tiền 179.338.000đồng.

[15]. Về chi phí tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án cụ **Nguyễn Thị C** có đơn yêu cầu xem xét thẩm định tại chỗ, đo đạc, định giá tài sản tranh chấp nên cụ **C** có nộp 30.058.873đồng chi phí tố tụng. Xét thấy, việc xem xét thẩm định tại chỗ, đo đạc, định giá tài sản là cần thiết cho việc giải quyết vụ án. Tại phiên tòa, các bên thống nhất ông **T1**, ông **S**, ông **T6** mỗi người phải chịu 1.000.000đồng chi phí tố tụng, phần còn lại là 27.058.873đồng cụ **C** nhận chịu. Chi phí tố tụng cụ **C** đã quyết toán toàn bộ nên buộc ông **T1**, ông **S**, ông **T6** mỗi người phải thanh toán lại cho cụ **C** số tiền 1.000.000đồng chi phí tố tụng.

[16] Về án phí: Theo quy định tại khoản 7 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án buộc các bên đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với kỹ phần thừa kế mỗi người được chia theo quy định của pháp luật.

Cụ **C** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với phần giá trị tài sản cụ **C** được chia và án phí dân sự sơ thẩm đối với phần giá trị tài sản do bà **T3**, bà **C1**, bà **P**, bà **T4**, ông **N**, bà **H**, ông **C2**, ông **T5** nhường kỹ phần cho cụ **C** được

nhận. Xét thấy, cụ **C** là người cao tuổi và cụ **C** có đơn xin miễn nộp tạm ứng án phí, án phí nên quá trình giải quyết vụ án cụ **C** không phải nộp tạm ứng án phí. Căn cứ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, Hội đồng xét xử miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho cụ **C**.

Buộc ông **T1** phải chịu 7.300.250đồng án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền ông **T1** được nhận (146.005.000đồng x 5%), làm tròn thành 7.300.000đồng.

Buộc ông **S** phải chịu 7.300.250đồng án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền ông **T1** được nhận (146.005.000đồng x 5%), làm tròn thành 7.300.000đồng.

Buộc ông **T6** phải chịu 8.966.900đồng án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền ông **T6** được nhận là 179.338.000đồng, làm tròn là 8.967.000đồng.

Bà **T3**, bà **C1**, bà **P**, bà **T4**, ông **N**, bà **H**, ông **C2**, ông **T5** nhường kỹ phần thừa kế của mình cho cụ **C**, các ông bà không nhận tài sản nên các ông bà không phải chịu án phí. Hoàn trả tiền tạm ứng án phí cho bà **T3**, bà **C1**, bà **P**, bà **T4**, ông **N**, bà **H**, ông **C2**, ông **T5**.

Vì các lẽ trên:

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 5 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 157, Điều 165, Điều 217, Điều 227, Điều 228, Điều 235 và Điều 266 Bộ luật tố tụng Dân sự;

Căn cứ Điều 609, Điều 611, Điều 612, Điều 613, Điều 623, Điều 649, Điều 650, Điều 651 và Điều 660 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 12, khoản 7 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của cụ **Nguyễn Thị C** về việc tranh chấp về thừa kế tài sản đối với ông **Đỗ Phú T1**, ông **Đỗ Phú S**.

2. Đình chỉ một phần yêu cầu phân tố của ông **Đỗ Phú T1** về việc yêu cầu chia thừa kế tài sản là số tiền tiết kiệm.

3. Chấp nhận yêu cầu độc lập của ông **Đỗ Đức T6** (**Đỗ Trọng Đ**) về việc

yêu cầu chia thừa kế tài sản.

4. Xác định hàng thừa kế thứ nhất theo pháp luật của cụ **Đỗ Phú N1** là 12 người gồm: cụ **Nguyễn Thị C**, ông **Đỗ Phú T1**, bà **Đỗ Thị T3**, bà **Đỗ Thị Kim C1**, bà **Đỗ Thị P**, ông **Đỗ Phú S**, bà **Đỗ Thị T4**, ông **Đỗ Phú N**, bà **Đỗ Thị Thu H**, ông **Đỗ Phú T5**, ông **Đỗ Phú C2** và ông **Đỗ Đức T6 (Đỗ Trọng Đ)**.

- Giao cho cụ **Nguyễn Thị C** được quyền quản lý, sử dụng diện tích 6.095m<sup>2</sup> thuộc thửa 241, diện tích 4.471m<sup>2</sup> thuộc thửa đất 247, tờ bản đồ 57 tọa lạc tại **thôn L, xã P, huyện L, tỉnh Lâm Đồng**, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK 702372 do **Ủy ban nhân dân huyện L** cấp ngày 31/7/2007, điều chỉnh biến động sang tên cụ **Đỗ phú N2** vào ngày 08/11/2016 và diện tích 4.017m<sup>2</sup> thửa 262 tờ bản đồ 57 tọa lạc tại **thôn L, xã P, huyện L, tỉnh Lâm Đồng**, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK 702373 do **Ủy ban nhân dân huyện L** cấp ngày 31/7/2007, điều chỉnh biến động sang tên cụ **Đỗ Phú N1** vào ngày 08/11/2016. Trên đất có 01 giếng khoan, 01 ao nước, 1700 cây cà phê Rôbusta, 40 trụ tiêu, 12 cây Sầu Riêng (*Có trích lục họa đồ kèm theo*).

Cụ **Nguyễn Thị C** phải thanh toán cho ông **Đỗ Phú T1** số tiền 146.005.000đồng (Một trăm bốn mươi sáu triệu, không trăm lẻ năm ngàn đồng).

Cụ **Nguyễn Thị C** phải thanh toán cho ông **Đỗ Phú S** số tiền 146.005.000đồng (Một trăm bốn mươi sáu triệu, không trăm lẻ năm ngàn đồng).

Cụ **Nguyễn Thị C** phải thanh toán cho ông **Đỗ Đức T6 (Đỗ Trọng Đ)** số tiền 179.338.000đồng (Một trăm bảy mươi chín triệu, ba trăm ba mươi tám ngàn đồng).

Cụ **Nguyễn Thị C** được liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để được điều chỉnh, sang tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất sau khi hoàn thành nghĩa vụ thanh toán kỹ phần thừa kế cho các hàng thừa kế còn lại.

*Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (khi án đã có hiệu lực pháp luật) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.*

5. Về chi phí tố tụng: Cụ **Nguyễn Thị C** nhận chịu 27.058.873đồng (Hai mươi bảy triệu, không trăm năm mươi tám ngàn, tám trăm bảy mươi ba đồng), số tiền này đã được quyết toán xong.

Buộc ông **Đỗ Phú T1**, ông **Đỗ Phú S**, ông **Đỗ Đức T6 (Đỗ Trọng Đ)** mỗi



người phải thanh toán cho cụ **Nguyễn Thị C** số tiền 1.000.000đồng (Một triệu đồng) chi phí tố tụng.

6. Về án phí: Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho cụ **Nguyễn Thị C**.

Buộc ông **Đỗ Phú T1** phải chịu 7.300.000đồng (Bảy triệu ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Nhưng được trừ vào số tiền 5.083.000đồng tạm ứng án phí ông **Đỗ Phú T1** đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004912 ngày 05/8/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng. Ông **Đỗ Phú T1** còn phải nộp 2.217.000đồng (Hai triệu, hai trăm mười bảy ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Buộc ông **Đỗ Phú S** phải chịu 7.300.000đồng (Bảy triệu, ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Buộc ông **Đỗ Đức T6 (Đỗ Trọng Đ)** phải chịu 8.967.000đồng (Tám triệu, chín trăm sáu mươi bảy ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Nhưng được trừ vào số tiền 5.083.000đồng tạm ứng án phí ông **Đỗ Đức T6 (Đỗ Trọng Đ)** đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004906 ngày 02/8/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng. Ông **Đỗ Đức T6 (Đỗ Trọng Đ)** còn phải nộp 3.884.000đồng (Ba triệu, tám trăm tám mươi bốn ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho bà **Đỗ Thị T3** số tiền 4.250.000đồng (Bốn triệu, hai trăm năm mươi ngàn đồng) tạm ứng án phí bà **Đỗ Thị T3** đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004897 ngày 31/7/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng.

Hoàn trả cho bà **Đỗ Thị Kim C1** số tiền 4.250.000đồng (Bốn triệu, hai trăm năm mươi ngàn đồng) tạm ứng án phí bà **Đỗ Thị Kim C1** đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004898 ngày 31/7/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng.

Hoàn trả cho bà **Đỗ Thị P** số tiền 4.250.000đồng (Bốn triệu, hai trăm năm mươi ngàn đồng) tạm ứng án phí bà **Đỗ Thị P** đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004904 ngày 01/8/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng.

Hoàn trả cho bà **Đỗ Thị T4** số tiền 4.250.000đồng (Bốn triệu, hai trăm năm mươi ngàn đồng) tạm ứng án phí bà **Đỗ Thị T4** đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004900 ngày 31/7/2024 của Chi cục Thi hành

án dân sự huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng.

Hoàn trả cho ông **Đỗ Phú N** số tiền 4.250.000đồng (Bốn triệu, hai trăm năm mươi ngàn đồng) tạm ứng án phí ông **Đỗ Phú N** đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004902 ngày 31/7/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng.

Hoàn trả cho bà **Đỗ Thị Thu H** số tiền 4.250.000đồng (Bốn triệu, hai trăm năm mươi ngàn đồng) tạm ứng án phí bà **Đỗ Thị Thu H** đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004899 ngày 31/7/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng.

Hoàn trả cho ông **Đỗ Phú T5** số tiền 10.706.000đồng (Mười triệu, bảy trăm lẻ sáu ngàn đồng) tạm ứng án phí ông **Đỗ Phú T5** đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004901 ngày 31/7/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng.

Hoàn trả cho ông **Đỗ Phú C2** số tiền 4.250.000đồng (Bốn triệu, hai trăm năm mươi ngàn đồng) tạm ứng án phí ông **Đỗ Phú C2** đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004903 ngày 31/7/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng.

*“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,7a,7b và 9 Luật thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án Dân sự”.*

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (26/9/2024), các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo. Riêng các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Lâm Đồng (02);
- VKSND huyện Lâm Hà;
- Chi cục THADS huyện Lâm Hà;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, BP.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trịnh Đoàn Hạnh Trang**